

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KIM KHÍ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

---

Tháng 3 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Trọng Khôi	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Nha	Ủy viên
Ông Phạm Văn Miên	Ủy viên
Ông Đoàn Trung Hà	Ủy viên
Ông Vũ Công Trứ	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đào Trọng Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Nha	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đào Trọng Khôi**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 03 năm 2015





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 35/2015/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Khúc Đình Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2013-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính  
Quốc tế (IFC)**

Ngày 10 tháng 03 năm 2015

**Nguyễn Như Phương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2013-072-01



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>251.841.923.446</b>	<b>197.164.320.811</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>42.707.830.479</b>	<b>79.675.106.880</b>
1. Tiền	111		19.564.739.579	12.825.106.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.143.090.900	66.850.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.503.134.961</b>	<b>16.862.382.848</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	21.536.021.964	16.888.914.170
2. Trả trước cho người bán	132		75.264.000	75.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	309.905.607	1.238.120.520
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.418.056.610)	(1.339.651.842)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>175.766.303.261</b>	<b>82.998.346.180</b>
1. Hàng tồn kho	141		179.818.274.811	82.998.346.180
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.051.971.550)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.864.654.745</b>	<b>17.628.484.903</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.946.127.931	2.822.499.938
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	157.845.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	7.918.526.814	14.648.139.965
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.367.508.551</b>	<b>9.248.072.437</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.061.007.839</b>	<b>9.095.166.815</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	8.805.905.807	5.338.516.121
- Nguyên giá	222		26.491.477.848	22.006.528.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.685.572.041)	(16.668.012.855)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.255.102.032	2.377.551.016
- Nguyên giá	228		3.177.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(922.595.280)	(800.146.296)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.379.099.678
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>306.500.712</b>	<b>152.905.622</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		306.500.712	152.905.622
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>263.209.431.997</b>	<b>206.412.393.248</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>178.830.917.147</b>	<b>122.492.454.047</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>178.830.917.147</b>	<b>122.492.454.047</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	172.079.855.984	67.832.560.487
2. Phải trả người bán	312		951.278.203	44.988.113.737
3. Người mua trả tiền trước	313		786.611.977	2.949.045.427
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	2.656.250.646	3.478.136.507
5. Phải trả người lao động	315		1.061.643.283	1.019.213.626
6. Chi phí phải trả	316		206.703.487	79.649.747
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	40.339.311	944.216.460
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.048.234.256	1.201.518.056
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>84.378.514.850</b>	<b>83.919.939.201</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>84.378.514.850</b>	<b>83.919.939.201</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.938.880.152	3.235.418.069
3. Cổ phiếu quỹ	414		(7.774.838.245)	(7.774.838.245)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		500.000.000	500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		801.511.824	801.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.912.961.119	35.157.847.553
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>263.209.431.997</b>	<b>206.412.393.248</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Ngài tệ các loại (USD)		1.146,92	1.159,88



Đào Trọng Khôi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 03 năm 2015

Đặng Thị Mâm  
Kế toán trưởng

Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	539.867.578.549	440.792.580.516
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		539.867.578.549	440.792.580.516
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	500.047.568.220	407.967.659.072
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.820.010.329	32.824.921.444
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	927.383.223	3.251.499.219
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.602.056.399	8.039.294.591
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.664.292.700	6.227.007.195
7. Chi phí bán hàng	24		4.791.305.356	3.424.969.622
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.363.630.014	5.910.225.898
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.990.401.783	18.701.930.552
10. Thu nhập khác	31		7.814.928.321	143.918.844
11. Chi phí khác	32		7.464.863.886	43.667.226
12. Lợi nhuận khác	40	VI.5	350.064.435	100.251.618
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.340.466.218	18.802.182.170
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	3.395.521.569	4.732.940.501
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.944.944.649	14.069.241.669
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	2.546	2.998



Đào Trọng Khôi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 03 năm 2015

Đặng Thị Mắm  
Kế toán trưởng

Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị vốn Nhà nước hiện có tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xếp dỡ Vật tư thuộc Công ty Kim khí Hải Phòng theo Quyết định số 71/2000/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2001 và các Giấy phép sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 52.000.000.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 44 người, (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 46 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 06 đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác;
- Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu hàng hoá, thiết bị phụ tùng và các sản phẩm kim khí;
- Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông - lâm - thủy hải sản, vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, thiết bị điện - điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất và chế tạo thiết bị nâng hạ; Sản xuất và kinh doanh thép các loại;
- Vận tải và đại lý vận tải hàng hoá thủy bộ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá và phá dỡ tàu cũ; và
- Sản xuất và kinh doanh khí công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 22
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	04 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10
Tài sản cố định khác	02 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện các chi phí liên quan đến chi phí san lấp, đền bù, giải phóng mặt bằng tại cơ sở Bến Kiền.

Tài sản cố định vô hình được trích khấu hao với thời gian từ 3 đến 20 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	290.961.824	451.880.642
Tiền gửi ngân hàng	19.273.777.755	12.373.226.238
Các khoản tương đương tiền (*)	23.143.090.900	66.850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.707.830.479</b>	<b>79.675.106.880</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**2. Phải thu khách hàng**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
CN Công ty CP Nam Vang tại Hải Phòng	1.491.719.924	126.391.428
Công ty TNHH Hoàng Lương	-	908.082.058
Công ty TNHH Thép Kinh Bắc	-	290.668.946
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lư	789.002.100	789.002.100
Công ty CP cơ khí xây lắp thương mại Minh Cường	1.951.266.430	-
Công ty CP CK và Kết cấu thép Sóc Sơn	1.947.721.155	2.061.646.129
Doanh nghiệp tư nhân Sinh Lọc	990.858.384	147.339.656
Công ty CP đóng tàu và vận tải thương mại Tân Hưng	4.175.616.665	-
Công ty CP Kim Khí Miền Bắc	1.431.570.784	-
Công ty CP cơ khí và xây lắp Hóa chất	-	1.687.397.519
Công ty CP thép Châu Phong	491.318.825	856.406.596
Công ty TNHH Thương mại Ngọc Hiếu	4.103.549	1.576.132.450
Công ty CP Kim Khí Việt Hàn	2.156.151.199	815.226.443
Công ty CP kinh doanh thép hình	-	1.648.270.073
Công ty TNHH XNK vật tư thiết bị Tam Sơn	-	802.198.546
Các đối tượng khác	6.106.692.949	5.180.152.226
<b>Cộng</b>	<b>21.536.021.964</b>	<b>16.888.914.170</b>

**3. Phải thu khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về tiền lãi Ngân hàng	-	268.361.111
Phải thu do chuyển nhầm tiền hàng	-	318.951.830
Phải thu khác	30.905.607	50.807.579
Phải thu của Công ty CP thép Sao Biển	279.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>309.905.607</b>	<b>1.238.120.520</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	6.241.919.268
Nguyên liệu, vật liệu	105.404.362	13.651.815
Hàng hoá	179.612.934.713	76.517.546.447
Thành phẩm	99.935.736	225.228.650
<b>Cộng</b>	<b>179.818.274.811</b>	<b>82.998.346.180</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.051.971.550)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>175.766.303.261</b>	<b>82.998.346.180</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	55.191.000	80.000.000
Thế chấp, ký quỹ ngắn hạn	7.863.335.814	14.568.139.965
<b>Cộng</b>	<b>7.918.526.814</b>	<b>14.648.139.965</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2014	9.416.198.182	3.986.157.700	8.204.286.852	334.703.709	65.182.533	22.006.528.976
- Mua trong năm	-	-	3.009.029.878	-	-	3.009.029.878
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.059.457.825	-	-	-	-	2.059.457.825
- Thanh lý	-	-	(583.538.831)	-	-	(583.538.831)
Tại ngày 31/12/2014	<b>11.475.656.007</b>	<b>3.986.157.700</b>	<b>10.629.777.899</b>	<b>334.703.709</b>	<b>65.182.533</b>	<b>26.491.477.848</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2014	6.358.757.418	3.986.157.700	5.923.211.495	334.703.709	65.182.533	16.668.012.855
- Khấu hao trong năm	772.257.511	-	828.840.506	-	-	1.601.098.017
- Giảm do thanh lý	-	-	(583.538.831)	-	-	(583.538.831)
Tại ngày 31/12/2014	<b>7.131.014.929</b>	<b>3.986.157.700</b>	<b>6.168.513.170</b>	<b>334.703.709</b>	<b>65.182.533</b>	<b>17.685.572.041</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2014	3.057.440.764	-	2.281.075.357	-	-	5.338.516.121
Tại ngày 31/12/2014	<b>4.344.641.078</b>	<b>-</b>	<b>4.461.264.729</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.805.905.807</b>

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 8.124.635.728 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.338.516.121 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.215.317.337 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.559.962.884 đồng).



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất		Tổng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	3.177.697.312		3.177.697.312
Tại ngày 31/12/2014	3.177.697.312		3.177.697.312
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Tại ngày 01/01/2014	800.146.296		800.146.296
Khấu hao trong năm	122.448.984		122.448.984
Tại ngày 31/12/2014	922.595.280		922.595.280
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.377.551.016		2.377.551.016
Tại ngày 31/12/2014	2.255.102.032		2.255.102.032

**8. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền VND (i)	139.903.167.706	62.729.404.215
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	7.038.327.885	-
Vay các cá nhân khác (iii)	25.138.360.393	5.103.156.272
<b>Cộng</b>	<b>172.079.855.984</b>	<b>67.832.560.487</b>

(i) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT168-CP SXKD Kim Khí ngày 02 tháng 07 năm 2014 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam là 250 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh các mặt hàng kim khí. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay được thay đổi khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng. Trả lãi vay vào ngày 25 hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ vật kiến trúc trên đất và công trình phụ trợ khác kèm theo và quyền sử dụng đất tại số 6 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền có diện tích là 5.324,7m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất tại xã An Hồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng có diện tích 8.742 m<sup>2</sup>, cùng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho khoản vay trên.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2014HM/KKC ngày 12 tháng 06 năm 2014, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam là 30 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh các mặt hàng kim khí. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay được thay đổi khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng. Trả lãi vay trả từ ngày 26 - 30 hàng tháng. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 hoặc bằng tài sản được hình thành từ vốn vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

(iii) Các hợp đồng vay của các cá nhân (là cán bộ công nhân viên trong Công ty, cổ đông trong Công ty). Các khoản vay này theo các Hợp đồng tín dụng với thời hạn vay dưới 12 tháng. Khoản vay này không có đảm bảo, kỳ trả lãi theo tháng và lãi suất được quy định rõ trong các Hợp đồng vay và nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Lãi suất được trả hàng tháng, lãi suất quá hạn theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam từng thời kỳ.

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.045.521.569	3.107.940.501
Thuế thu nhập cá nhân	610.729.077	370.196.006
<b>Cộng</b>	<b>2.656.250.646</b>	<b>3.478.136.507</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	22.665.759	45.312.296
Bảo hiểm xã hội	2.245.500	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.428.052	898.904.164
<b>Cộng</b>	<b>40.339.311</b>	<b>944.216.460</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>2.801.730.299</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>801.511.824</b>	<b>77.322.835.302</b>							
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	14.069.241.669							
Trích lập các quỹ	-	433.687.770	-	-	-	(867.375.540)							(433.687.770)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.038.450.000)							(7.038.450.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>3.235.418.069</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>801.511.824</b>	<b>83.919.939.201</b>							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	11.944.944.649							11.944.944.649
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(10.323.060.000)							(10.323.060.000)
Trích các quỹ (*)	-	703.462.083	-	-	-	(1.866.771.083)							(1.163.309.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>3.938.880.152</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>801.511.824</b>	<b>84.378.514.850</b>							

(\*) Chia cổ tức và trích các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 12.3/14/NQ-DHĐCĐ2014 ngày 12 tháng 03 năm 2014; trả cổ tức năm 2013 với mức 2.200 VND/cổ phần, trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ cùng điều lệ cùng với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2013.

(\*) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đang được Công ty phân ánh trên chi tiêu vốn khác của chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*b. Cổ phiếu*

	31/12/2014	01/01/2014
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
+Cổ phần phổ thông	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phần được mua lại	507.700	507.700
+ Cổ phần phổ thông	507.700	507.700
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	4.692.300	4.692.300
+ Cổ phần phổ thông	4.692.300	4.692.300
<b>Cộng</b>	<b><u>4.692.300</u></b>	<b><u>4.692.300</u></b>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán các mặt hàng sắt thép các loại. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất trụ sở đặt tại số 6 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng mà không có các chi nhánh tại các địa điểm khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	535.209.758.740	433.910.889.749
Doanh thu bán thành phẩm	2.057.686.923	5.944.735.851
Doanh thu khác	2.600.132.886	936.954.916
<b>Cộng</b>	<b>539.867.578.549</b>	<b>440.792.580.516</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	492.404.973.687	402.073.522.980
Giá vốn của thành phẩm đã bán, giá vốn khác	3.590.622.983	6.214.733.157
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.051.971.550	(320.597.065)
<b>Cộng</b>	<b>500.047.568.220</b>	<b>407.967.659.072</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	798.683.449	3.216.482.305
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	128.457.122	13.672.222
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	242.652	21.344.692
<b>Cộng</b>	<b>927.383.223</b>	<b>3.251.499.219</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	9.664.292.700	6.227.007.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.937.763.699	1.812.287.396
<b>Cộng</b>	<b>11.602.056.399</b>	<b>8.039.294.591</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Lợi nhuận khác**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	366.000.000	135.019.770
Thu nhập chuyển nhượng quyền thuê đất	7.445.857.925	-
Thu nhập khác	3.070.396	8.899.074
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.814.928.321</b>	<b>143.918.844</b>
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	43.109.471
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất	7.445.857.925	-
Chi phí khác	19.005.961	557.755
<b>Chi phí khác</b>	<b>7.464.863.886</b>	<b>43.667.226</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>350.064.435</b>	<b>100.251.618</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.340.466.218</b>	<b>18.802.182.170</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(93.722.733)</b>	<b>(129.579.833)</b>
Trừ: chí phí không hợp lý	(93.722.733)	(129.579.833)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.434.188.951</b>	<b>18.931.762.003</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Tổng chi phí Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.395.521.569</b>	<b>4.732.940.501</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.395.521.569</b>	<b>4.732.940.501</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.944.944.649	14.069.241.669
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.692.300	4.692.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.546</b>	<b>2.998</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. Chi phí theo yếu tố**

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí mua hàng và nguyên vật liệu	494.741.839.616	404.728.910.494
Chi phí nhân công	6.333.589.350	5.862.948.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.723.547.001	2.048.498.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.969.002.116	3.507.098.149
Chi phí khác bằng tiền	1.116.200.229	1.155.399.395
<b>Cộng</b>	<b>508.884.178.312</b>	<b>417.302.854.592</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.8 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.707.830.479	79.675.106.880
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.427.870.961	16.787.382.848
<b>Cộng</b>	<b>62.135.701.440</b>	<b>96.462.489.728</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	172.079.855.984	67.832.560.487
Phải trả người bán và phải trả khác	991.617.514	45.932.330.197
Chi phí phải trả	206.703.487	79.649.747
<b>Cộng</b>	<b>173.278.176.985</b>	<b>113.844.540.431</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.  
Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Các khoản vay	172.079.855.984	172.079.855.984
Phải trả người bán và phải trả khác	991.617.514	991.617.514
Chi phí phải trả	206.703.487	206.703.487
<b>Cộng</b>	<b>173.278.176.985</b>	<b>173.278.176.985</b>
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Các khoản vay	67.832.560.487	67.832.560.487
Phải trả người bán và phải trả khác	45.932.330.197	45.932.330.197
Chi phí phải trả	79.649.747	79.649.747
<b>Cộng</b>	<b>113.844.540.431</b>	<b>113.844.540.431</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.707.830.479	42.707.830.479
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.427.870.961	19.427.870.961
<b>Cộng</b>	<b>62.135.701.440</b>	<b>62.135.701.440</b>
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.675.106.880	79.675.106.880
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.787.382.848	16.787.382.848
<b>Cộng</b>	<b>96.462.489.728</b>	<b>96.462.489.728</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Bên liên quan**

Trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Vay ngắn hạn các cá nhân	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ông Đào Trọng Khôi	7.356.532.633	828.240.251
Ông Đoàn Trung Hà	9.063.145.000	1.066.355.728
Bà Lê Thị Nhân	2.843.247.926	-
<b>Cộng</b>	<b>19.262.925.559</b>	<b>1.894.595.979</b>

Tiền lãi vay đã trả trong năm	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ông Đào Trọng Khôi	579.294.322	72.019.914
Ông Đoàn Trung Hà	920.342.562	258.643.397
Bà Lê Thị Nhân	77.103.081	161.870.488
<b>Cộng</b>	<b>1.576.739.965</b>	<b>492.533.798</b>

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.372.520.000	1.156.165.000
<b>Cộng</b>	<b>1.372.520.000</b>	<b>1.156.165.000</b>

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Đào Trọng Khôi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 03 năm 2015

Đặng Thị Mắm  
Kế toán trưởng

Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu